

PHÁT TRIỂN DU LỊCH CỘNG ĐỒNG DỰA TRÊN SỰ GẮN KẾT XÃ HỘI: BÀI HỌC TỪ THỰC TIỄN TẠI BẢN LIỄN (BẮC HÀ, LÀO CAI)

TRƯƠNG MAI NGỌC
Đại học Phenikaa

Nhận bài ngày 05/5/2026. Sửa chữa xong 15/6/2026. Duyệt đăng 27/6/2026.

Abstract

Community-based tourism is an effective approach for rural economic development and cultural preservation, yet its sustainability relies heavily on social cohesion and benefit-sharing mechanisms. The case study of Ban Lien (Bac Ha, Lao Cai) elucidates how the community operates the tourism value chain through structures of trust, a collaborative network sharing cash flows from practical experiential activities, and media resonance from the reality television show. Viewed through the lens of community education, the model functions as a non-formal educational environment that diffuses knowledge from pioneering nuclear households. However, the study reveals critical challenges regarding the asymmetry in operational capacity and the inner dependence of satellite households. Consequently, the paper proposes strategic orientations to enhance comprehensive autonomy, institutionalize knowledge-sharing mechanisms, and manage media capacity to ensure sustainable local development.

Keywords: Community-Based Tourism, social cohesion, benefit sharing, non-formal education, Ban Lien.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh xây dựng nông thôn mới và phát triển bền vững tại Việt Nam, du lịch cộng đồng (DLCĐ) đang khẳng định vai trò là động lực chuyển dịch cơ cấu kinh tế tại các vùng đồng bào dân tộc thiểu số (Tổng cục Du lịch Việt Nam, 2020). Tuy nhiên, quá trình triển khai thực tiễn đang đặt ra nhiều thách thức. Không ít mô hình hiện nay có xu hướng thương mại hóa cực đoan, dẫn đến tình trạng mất cân bằng trong phân phối lợi ích, làm suy yếu các giá trị văn hóa truyền thống và rạn nứt cấu trúc xã hội nội bộ. Thực trạng này đòi hỏi một góc nhìn sâu sắc hơn về vai trò của nguồn vốn xã hội trong phát triển du lịch (Bùi, T. H., & Nguyễn, V. A., 2021). Bản Liễn, một xã vùng cao thuộc huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai với quy mô dân số gần 2000 nhân khẩu, là một điển hình về việc duy trì mô hình DLCĐ dựa trên nền tảng cố kết cộng đồng vững chắc. Đặc biệt, sự thành công mang tính nhân văn của địa phương này gần đây đã thu hút sự chú ý lớn từ các phương tiện truyền thông quốc gia và mạng xã hội. Về phương pháp tiếp cận, để làm rõ vấn đề này, nghiên cứu áp dụng phương pháp định tính với thiết kế nghiên cứu trường hợp tại Bản Liễn Pine Homestay và cộng đồng lân cận. Dữ liệu sơ cấp được thu thập thông qua phương pháp quan sát tham dự và phỏng vấn sâu với các chủ thể liên quan bao gồm đại diện hộ gia đình kinh doanh homestay, người dân tham gia chuỗi cung ứng dịch vụ và cán bộ địa phương. Dữ liệu thứ cấp được tổng hợp từ các báo cáo địa phương và thông tin truyền thông đại chúng. Cách tiếp cận này giúp làm rõ các cơ chế tương tác xã hội, dòng chảy lợi ích kinh tế và tính giáo dục cộng đồng trong thực tiễn.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận về du lịch cộng đồng

Khái niệm DLCĐ xuất hiện từ những năm 1970 và được nhiều tổ chức quốc tế chuẩn hóa qua các giai đoạn phát triển của ngành kinh tế xanh. Theo Quỹ Quốc tế Bảo vệ Thiên nhiên (Quỹ Quốc tế Bảo vệ Thiên nhiên (WWF, 2001), đây là hình thức du lịch trong đó phần lớn quyền kiểm soát và lợi ích thuộc về người dân địa phương. Đặc trưng cốt lõi của hình thức này không chỉ dừng lại ở việc người dân trực tiếp tham gia

Email: ngoc.truongmai@phenikaa-uni.edu.vn

cung cấp dịch vụ như một mắt xích lao động phổ thông mà phải đáp ứng ba trụ cột chính bao gồm tính làm chủ của cộng đồng trong các quyết định phát triển, tính công bằng trong phân chia lợi ích kinh tế, và tính bền vững về văn hóa - xã hội, môi trường (Association of Southeast Asian Nations) (ASEAN, 2016). Điều này có nghĩa là cộng đồng không chỉ là đối tượng thụ động chịu tác động của du lịch mà phải trở thành chủ thể có quyền quyết định vận mệnh phát triển của không gian sinh tồn của chính mình. Để đáp ứng được các trụ cột này, cộng đồng trong du lịch không đơn thuần là một ranh giới địa lý hành chính tĩnh tại mà phải dựa trên nền tảng cốt lõi của nguồn vốn xã hội. Theo Putnam (2000), vốn xã hội bao gồm mạng lưới các mối quan hệ, chuẩn mực xã hội mang tính cam kết và sự tin tưởng lẫn nhau, tạo điều kiện cho các cá nhân hành động cùng nhau một cách hiệu quả hướng tới mục tiêu chung của tập thể. Đây là yếu tố cốt lõi quyết định đến sự thành bại của các mô hình kinh tế tập thể tại khu vực nông thôn, đặc biệt là ở những vùng cao nơi điều kiện cơ sở vật chất còn nhiều hạn chế (Bùi, T. H., & Nguyễn, V. A., 2021). Khi một cộng đồng sở hữu mức độ gắn kết xã hội cao, họ có xu hướng thiết lập các cơ chế tự điều tiết để bảo vệ tài sản chung, ngăn chặn các hành vi cạnh tranh không lành mạnh và phân phối lợi ích công bằng hơn. Vốn xã hội lúc này đóng vai trò như một thứ “keo chuyển mạch” giúp kết nối các nguồn lực phân tán của từng hộ gia đình thành một sức mạnh tổng hợp, tạo tiền đề cho sự ra đời của các mô hình quản trị du lịch nội sinh bền vững.

2.2. Thiết chế lòng tin và sự bảo tồn không gian văn hóa bản địa

Cấu trúc xã hội tại Bản Liễn mang đậm nét đặc trưng của cộng đồng người Tày vùng cao, nơi tính gắn kết cộng đồng được tôi luyện qua nhiều thế hệ lịch sử. Dù quy mô dân số tương đối lớn, tính đồng nhất cao về mặt tộc người và mạng lưới quan hệ xã hội khép kín đã tạo ra một sự thấu hiểu nội bộ sâu sắc giữa các thành viên. Trong đời sống thường nhật, người Tày nơi đây coi bản làng như một đại gia đình mở rộng, nơi mọi biến cố lớn nhỏ hay các sự kiện trọng đại của từng cá nhân luôn có sự đồng hành và gánh vác của cả tập thể. Minh chứng sống động nhất cho tinh thần này là tập tục tương trợ, “đổi công” hay giúp ngày công một cách hoàn toàn tự nguyện để cùng nhau dựng lên các nếp nhà sàn truyền thống lợp mái cọ (Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam, 2024). Tập tục này không đơn thuần là sự giúp đỡ về mặt cơ học nhằm giải quyết bài toán thiếu hụt nhân lực mà là một nghi thức xã hội củng cố mối liên kết thân tộc, tạo nên một mạng lưới an sinh xã hội dựa trên nghĩa vụ đạo đức sâu sắc giữa các thành viên. Chính nếp sống “tối lửa tắt đèn có nhau” cùng hệ thống phong tục tập quán lâu đời ấy là chất liệu nguyên bản, tạo nên bệ đỡ vững chắc cho sự hình thành và phát triển của DLCĐ Bản Liễn. Đời sống văn hóa bản địa của người Tày nơi đây được lưu giữ vẹn nguyên qua cấu trúc không gian kiến trúc nhà sàn mái cọ cổ kính - nơi không chỉ đóng vai trò là không gian sinh hoạt gia đình mà còn là trung tâm bảo tồn các tri thức dân gian qua nhiều đời. Bên cạnh kiến trúc, các tập tục trong đời sống tinh thần và tín ngưỡng cũng được cộng đồng phục dựng, phát huy mạnh mẽ thành sản phẩm du lịch đặc thù đầy sức hút. Tiêu biểu là Lễ hội Lồng Tồng - “Tết xuống đồng” lớn nhất trong năm của người Tày, ngày hội mà cả bản cùng chung tay sửa soạn lễ vật cúng tế thần nông, thành hoàng làng để cầu mong mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu. Lễ hội này mở ra một không gian văn hóa vô cùng sống động cho du khách trải nghiệm thông qua các trò chơi dân gian giàu tính cổ kết như tung còn, đẩy gậy, kéo co (Lê Hiếu, Xuân Cường, 2026).

Song hành với lễ hội, kho tàng văn hóa phi vật thể của Bản Liễn còn được nuôi dưỡng qua âm vang trầm bổng của những câu hát Then, hát Lượn giao duyên, kết hợp hài hòa với tiếng đàn Tính ba dây mộc mạc và những điệu múa xòe Tày uyển chuyển, dập dìu quanh bếp lửa nhà sàn ấm cúng mỗi khi màn đêm buông xuống. Hơn thế nữa, các nghề thủ công truyền thống bám rễ sâu vào tài nguyên tự nhiên như nghề đan nón lá cọ, bện đệm rơm, dệt thổ cẩm tự nhiên hay quy trình chế biến trà Shan tuyết cổ thụ sấy gác bếp trong ống nứa cũng được người dân duy trì như những mảnh ghép sinh hoạt không thể tách rời của cuộc sống hằng ngày (Kiều Lê, Hoàng Thu, 2025). Sự nguyên bản này còn được kết tinh sắc nét trong văn hóa ẩm thực độc đáo. Những món ăn truyền thống như xôi ngũ sắc nhuộm từ lá cây rừng, bánh chưng đen thơm mùi lúa nếp nương, gà đồi nướng mắc khén hay cá suối bắt từ các dòng thác tự nhiên chảy quanh bản được chế biến hoàn toàn thủ công, mang đến trải nghiệm vị giác chân thực cho du khách.

Trong bối cảnh kinh tế thị trường xâm nhập mạnh mẽ, toàn bộ hệ thống phong tục tập quán đậm tính nhân văn và lối sống mến khách, nồng hậu này đã chuyển hóa thành một thiết chế lòng tin vô cùng vững

chắc để làm du lịch. Sự thấu hiểu hoàn cảnh và tôn trọng các chuẩn mực văn hóa chung giữa các hộ dân giúp hạn chế tối đa xung đột lợi ích - một căn bệnh phổ biến tại các điểm du lịch tự phát. Khi những hộ gia đình tiên phong như gia đình anh Hà, chị Thông - những người chủ của Bản Liễn Pine Homestay bước vào hoạt động đón khách, họ nhận được sự hậu thuẫn tự nhiên từ xóm làng thay vì sự đố kỵ, ganh đua cục bộ. Người dân xung quanh sẵn sàng dọn dẹp đường làng ngõ xóm, cùng nhau giữ gìn cảnh quan nguyên sơ của những nương chè bạt ngàn và bảo vệ không gian yên bình cho bản. Thiết chế lòng tin dựa trên nền tảng phong tục Tày này là gốc rễ để các giao dịch kinh tế nội bộ diễn ra trôi chảy mà không cần đến các hợp đồng pháp lý phức tạp, nơi văn hóa nguyên bản của người Tày được xem là tài sản chung cần bảo vệ và phát huy bền vững thay vì công cụ cạnh tranh cá nhân nhằm hạ bệ lẫn nhau.

2.3. Cấu trúc lịch trình trải nghiệm và cơ chế chia sẻ lợi ích thực tế

Khác với các mô hình kinh doanh du lịch khép kín do các tập đoàn lớn hành bên ngoài thao túng nhằm tối đa hóa lợi nhuận cục bộ, chuỗi cung ứng dịch vụ tại Bản Liễn được tổ chức theo mô hình mạng lưới liên kết ngang mang tính chia sẻ cao. Khởi điểm từ sự hỗ trợ của dự án GREAT với 5 hộ gia đình hạt nhân đủ tiêu chuẩn làm dịch vụ lưu trú (Hà, 2020), mô hình nay đã lan tỏa thành một mạng lưới vệ tinh điều phối khách cho toàn bản, tạo ra hiệu ứng lan tỏa kinh tế sâu rộng. Để làm rõ cơ chế chia sẻ lợi ích theo tiêu chuẩn quốc tế (ASEAN, 2016), nghiên cứu tiến hành phân tích sâu cấu trúc lịch trình trải nghiệm của du khách tại Bản Liễn Pine Homestay và thực tiễn chia sẻ dòng tiền. Bắt đầu với giai đoạn đón tiếp và lưu trú, du khách trải nghiệm không gian sinh hoạt tại nếp nhà sàn mái cọ truyền thống. Nguồn thu từ dịch vụ lưu trú thuộc về các hộ gia đình hạt nhân, tiêu biểu như hộ anh Hà, chị Thông, bởi đây là nhóm đối tượng chịu rủi ro đầu tư lớn về cơ sở vật chất ban đầu cũng như chịu trách nhiệm trực tiếp trước pháp luật về an ninh lưu trú. Tuy nhiên, dòng tiền này ngay lập tức được phân rã thành các dòng thu nhập phụ cho cộng đồng trong các giai đoạn tiếp theo. Chuyển sang giai đoạn trải nghiệm sinh thái và tri thức bản địa, du khách tham gia hoạt động trekking xuyên rừng quế, tham quan các đồi chè và trải nghiệm quy trình cày ruộng bậc thang, hái chè Shan tuyết cổ thụ cùng người nông dân (Kiều Lê, Hoàng Thu, 2025). Lúc này, nguồn thu từ chi phí hướng dẫn viên được chi trả trực tiếp cho thanh niên bản địa, những người am hiểu địa hình. Phí trải nghiệm nông nghiệp được san sẻ cho các hộ nông dân chủ sở hữu đồi chè, ruộng bậc thang, giúp gia tăng giá trị thặng dư cho nông sản địa phương, biến các hoạt động nông nghiệp thuần túy thành một sản phẩm dịch vụ có giá trị kinh tế cao.

Trong giai đoạn thưởng thức ẩm thực và giao lưu văn hóa, du khách dùng bữa với các món ăn truyền thống và tham gia giao lưu múa xòe, hát Then. Chuỗi cung ứng thực phẩm được liên kết chặt chẽ với các hộ chăn nuôi, trồng trọt xung quanh bản, giúp tiêu thụ nông sản tại chỗ với giá thành ổn định. Chi phí biểu diễn được chi trả trực tiếp cho Đội văn nghệ quần chúng của bản, tạo động lực tài chính thực tế để cộng đồng, đặc biệt là thế hệ trẻ, chủ động gìn giữ và truyền dạy các di sản văn hóa phi vật thể của cha ông. Cuối cùng là giai đoạn trải nghiệm nghề truyền thống, du khách tham quan quy trình làm trà lam gác bếp, bện đệm rơm, đan nón lá cọ và dệt thổ cẩm. Dòng tiền thương mại từ các hoạt động này được chuyển thẳng đến các hộ làm nghề thủ công truyền thống và hội phụ nữ (Kiều Lê, Hoàng Thu, 2025), tạo sinh kế bền vững cho nhóm yếu thế ít có cơ hội tiếp cận với các công việc nặng nhọc.

Sự phân công lao động xã hội này minh chứng cho việc hoạt động du lịch không bị độc quyền hay tích tụ tư bản vào một nhóm nhỏ. Báo cáo thực tiễn trên Báo Lào Cai ghi nhận rất rõ thực tế rằng khi khách đến đông, các hộ chủ động điều phối và chia sẻ để ai cũng có việc, có thu nhập. Sự san sẻ ấy không chỉ giúp du khách có thêm nhiều lựa chọn phong phú mà còn tạo nên một cộng đồng cùng làm, cùng hưởng lợi (Hoàng Thu, 2026). Nguồn thu từ du khách luân chuyển liên tục qua nhiều tầng nấc xã hội, tạo nên một hệ sinh thái kinh tế tương hỗ bền vững, gắn kết vận mệnh kinh tế của từng cá nhân vào sự phát triển chung của bản làng.

2.4. Sức lan tỏa truyền thông nhờ duy trì giá trị chân thực và gắn kết

Sự thành công của mô hình DLCD tại Bản Liễn không chỉ dừng lại ở nỗ lực nội bộ mà còn được minh chứng qua khả năng cộng hưởng mạnh mẽ với truyền thông đại chúng dựa trên chính sự nguyên bản và tính chân thực. Trong thời đại mà du khách ngày càng mệt mỏi với những điểm du lịch nhân tạo, sự chân thật trong lối sống xóm làng đã biến Bản Liễn trở thành điểm đến lý tưởng cho các dự án văn

hóa lớn. Đặc biệt, sự kiện chương trình truyền hình thực tế *Gia đình Haha - Những ngày trời bao la* (phát sóng trên kênh VTV3) lựa chọn Bản Liễn làm điểm dừng chân trải nghiệm đã tạo ra một cú hích và bước ngoặt lớn về mặt quảng bá thương hiệu địa phương (Hương Huyền, 2025).

Thông qua sóng truyền hình quốc gia, việc các nghệ sĩ nổi tiếng trực tiếp lưu trú cùng lao động đồng áng với người dân, tham gia thu hoạch trà và sinh hoạt dưới nếp nhà sàn mái cọ của người dân bản địa trong nhiều ngày đã lan tỏa mạnh mẽ hình ảnh một Bản Liễn gắn kết, thân thiện và đậm đà bản sắc. Sự chân thực không qua dàn dựng cầu kỳ này đã chạm đến cảm xúc của người xem. Cộng hưởng với đó, việc tương tác và truyền tải thông tin thường xuyên trên các nền tảng mạng xã hội đã tạo ra một kênh giao tiếp mở, đưa những câu chuyện làng bản dung dị đến gần hơn với du khách. Sự cộng hưởng truyền thông này mang lại một hàm ý quan trọng: trong kỷ nguyên số, một mô hình DLCĐ không cần đến các chiến dịch tiếp thị đắt đỏ hay thương mại hóa thô bạo làm biến dạng bản sắc. Chính việc duy trì sự tử tế, tính nguyên bản và sự sẻ chia nội khối mới là chất xúc tác mạnh mẽ nhất để thu hút đối tượng du khách có trách nhiệm, những người sẵn sàng chi trả cao để trải nghiệm những giá trị nhân văn thực sự.

2.5. Tư duy quản trị hướng tới lợi ích tập thể trước áp lực truyền thông

Sự gia tăng đột biến về lượng khách du lịch sau hiệu ứng lan tỏa của các chương trình truyền hình thực tế thường là con dao hai lưỡi đối với các bản làng vùng cao. Nhiều địa phương đã rơi vào bẫy phá vỡ cảnh quan, ô nhiễm môi trường và xung đột nội bộ do chạy theo lợi nhuận trước mắt. Tuy nhiên, tại Bản Liễn, nền tảng gắn kết xã hội vững chắc và thiết chế lòng tin lâu đời đã giúp cộng đồng thiết lập một bộ lọc tự nhiên, tạo ra một cơ chế tự vệ hiệu quả trước áp lực này. Thay vì chạy theo xu hướng mở rộng quy mô một cách ồ ạt, phá bỏ nhà sàn để xây dựng các công trình bê tông hóa hiện đại làm mất đi bản sắc, người dân địa phương tiếp tục kiên định với tư duy quản trị hướng tới lợi ích tập thể. Các hộ gia đình trong bản phối hợp chặt chẽ với nhau để điều phối lượng khách, đảm bảo không gian lưu trú tại các homestay hạt nhân không bị rơi vào tình trạng quá tải, phá vỡ trải nghiệm của du khách. Nguyên tắc chia sẻ nguồn thu và cơ hội việc làm được thực thi nghiêm túc thông qua các cam kết ngầm hiểu mang tính đạo đức. Cụ thể, khi một hộ nhận lượng khách lớn vượt quá khả năng phục vụ, các phần việc về cung cấp thực phẩm sạch, dẫn khách trải nghiệm đồi chè hay hướng dẫn dệt quà lưu niệm ngay lập tức được san sẻ cho các hộ lân cận. Đạo đức sinh thái và đạo đức xã hội này chi phối mọi quyết định kinh doanh, giúp bảo vệ không gian sinh tồn chung và khẳng định một triết lý phát triển bền vững: sự thịnh vượng của một cá nhân sẽ không bao giờ bền vững nếu nó tách rời hoặc gây tổn hại đến bước tiến của toàn thể làng bản.

2.6. Giáo dục phi chính quy và vai trò môi giới tri thức của hộ hạt nhân

Dưới lăng kính của khoa học giáo dục, tiến trình phát triển du lịch tại Bản Liễn không chỉ là một hiện tượng kinh tế mà còn là một minh chứng sống động của giáo dục phi chính quy (non-formal education) thông qua cơ chế lan tỏa tri thức từ những hạt nhân tiên phong. Thực tế khảo sát cho thấy, sự bứt phá của mô hình Bản Liễn Pine Homestay, cụ thể là hộ gia đình chị Vàng Thị Thông, xuất phát từ lợi thế lớn về vốn văn hóa và năng lực nội sinh của chủ hộ. Nhờ có nền tảng học vấn nhất định, tư duy mở và quá trình trực tiếp xuống các thành phố lớn cũng như các điểm du lịch phát triển để nghiên cứu, khảo sát thực tế, chủ hộ đã tiếp thu được tri thức quản trị hiện đại, tư duy tiếp thị và hiểu được tâm lý của phân khúc khách hàng cao cấp.

Sự bứt phá mang tính cá nhân này tại Bản Liễn không dẫn đến sự độc quyền kinh tế hay phân hóa giàu nghèo cực đoan mà chuyển hóa thành một "trạm phân phối tri thức" cho toàn cộng đồng. Thông qua các buổi sinh hoạt xóm làng, các mối quan hệ thân tộc và láng giềng gần gũi, tri thức quản trị chính quy từ hộ hạt nhân đã được dịch chuyển, "bản địa hóa" thành bài học thực hành dung dị, dễ hiểu cho người dân xung quanh. Người dân được học cách bài trí phòng, cách chế biến món ăn hợp vệ sinh, cách giao tiếp văn minh với khách từ chính những chỉ dẫn trực quan của người hàng xóm. Khi chứng kiến sự trân trọng của du khách đối với nếp sống bản địa, lòng tự hào dân tộc và ý thức tự tôn văn hóa của cộng đồng được tái khẳng định sâu sắc. Quá trình này thúc đẩy người dân chủ động, tự giác học

hỏi các kỹ năng mềm, năng lực quản trị tài chính vi mô và cách thức sử dụng công nghệ số để quảng bá sản phẩm, biến bản làng thành một không gian học tập suốt đời mang tính tương trợ cao.

2.7. Rào cản bất đối xứng về năng lực và thách thức về tính phụ thuộc nội khối

Mặc dù đạt được những thành quả vô cùng tích cực về mặt chia sẻ lợi ích và bảo tồn văn hóa, thực tiễn mô hình tại Bản Liễn cũng bộc lộ một thách thức mang tính cấu trúc sâu sắc, đó là sự bất đối xứng về trình độ học vấn và năng lực vận hành kinh doanh giữa các hộ thành viên trong mạng lưới. Do xuất phát điểm về học vấn không đồng đều, một bộ phận lớn hộ gia đình tham gia mạng lưới du lịch với vai trò vệ tinh vẫn chưa thể tạo dựng được một nền tảng vững chắc để tự chủ vận hành kinh doanh độc lập. Các kỹ năng phức tạp như quản lý dòng tiền, tiếp thị số trên các nền tảng OTA, thiết kế sản phẩm trải nghiệm mới hoặc giao tiếp bằng ngoại ngữ với phân khúc khách quốc tế vẫn là những rào cản quá lớn đối với những người nông dân vốn chỉ quen với việc đồng áng, ruộng nương. Hệ quả tất yếu là sự vận hành của toàn bộ hệ thống lưu trú và chuỗi dịch vụ địa phương hiện đang phụ thuộc rất lớn vào sự điều phối, trợ giúp và định hướng mang tính kỹ thuật từ các hộ kinh doanh nổi bật, đặc biệt là hộ nhà chị Thông. Sự phụ thuộc nội khối này đặt ra một bài toán lưỡng nan cho tính bền vững dài hạn của mô hình. Nếu thiếu đi vai trò dẫn dắt, kết nối thị trường và lực đẩy từ các hộ hạt nhân tiên phong, các hộ vệ tinh xung quanh dễ rơi vào trạng thái thụ động, lúng túng trong việc tự quyết định hướng đi cho sinh kế của mình khi có biến động thị trường. Điều này minh chứng một cách mạnh mẽ rằng, vốn xã hội và sự gắn kết xóm làng mới chỉ là điều kiện cần để khởi tạo mô hình; năng lực học vấn, sự đồng đều trong giáo dục cộng đồng và việc nâng cao năng lực tự chủ của từng cá thể mới là điều kiện đủ để một mô hình DLCĐ thực sự đứng vững và phát triển bền vững trước áp lực cạnh tranh khốc liệt của thị trường.

3. Kết luận và khuyến nghị

3.1. Kết luận

Nghiên cứu thực tiễn tại Bản Liễn mang lại một góc nhìn đa chiều về mô hình phát triển DLCĐ. Sự thành công của địa phương này minh chứng rằng nguồn vốn xã hội, thiết chế lòng tin nội bộ và cơ chế chia sẻ lợi ích công bằng là nền tảng sống còn để bảo vệ không gian văn hóa bản địa trước áp lực thương mại hóa và những cú hích từ truyền thông đại chúng. Tuy nhiên, dưới lăng kính giáo dục và phát triển xã hội, nghiên cứu cũng chỉ ra một thực tế khách quan rằng sự vận hành trơn tru của chuỗi giá trị này hiện đang mang tính phụ thuộc cao vào năng lực điều phối và tri thức của một vài hộ gia đình hạt nhân. Vai trò môi giới tri thức của các hộ tiên phong đã giúp cộng đồng rút ngắn khoảng cách với thị trường. Dẫu vậy, sự bất đối xứng về trình độ học vấn và năng lực vận hành giữa các thành viên vẫn là một điểm nghẽn cấu trúc. Hệ quả là, mô hình du lịch tại Bản Liễn tuy vững chắc về mặt đạo đức xã hội nhưng lại tiềm ẩn rủi ro về năng lực tự chủ kinh tế của từng cá thể. Điều này khẳng định rằng gắn kết xã hội là điều kiện tiên quyết để khởi tạo DLCĐ nhưng sự đồng đều về mặt giáo dục và năng lực quản trị mới là chìa khóa để mô hình phát triển tự chủ và bền vững.

3.2. Khuyến nghị

Từ những kết luận trên, bài viết đề xuất một số hàm ý chính sách và định hướng phát triển du lịch tại Bản Liễn nói riêng và các vùng đồng bào dân tộc thiểu số nói chung trong thời gian tới dựa trên ba phương diện cốt lõi. Định hướng thứ nhất là chuyển dịch từ phụ thuộc hạt nhân sang tự chủ toàn diện thông qua giáo dục. Các cấp chính quyền địa phương, tổ chức phi chính phủ và các hội đoàn cần khẩn trương thiết kế các chương trình đào tạo nghề và tập huấn kỹ năng ngắn hạn, trực quan dành riêng cho các hộ vệ tinh. Nội dung cần tập trung vào quản lý tài chính cá nhân, kỹ năng số, tiêu chuẩn vệ sinh lưu trú và tiếng Anh giao tiếp cơ bản để giúp các hộ dân tiến tới tự vận hành dịch vụ của mình. Định hướng thứ hai là thể chế hóa cơ chế chia sẻ tri thức nội khối. Bên cạnh việc chia sẻ lợi ích kinh tế, cộng đồng cần xây dựng các cơ chế để chia sẻ tri thức. Chính quyền có thể hỗ trợ thành lập các câu lạc bộ du lịch địa phương, nơi những cá nhân có học vấn và kinh nghiệm thực tiễn được tôn vinh và hỗ trợ một phần kinh phí để đóng vai trò như những tập huấn viên tại chỗ, trực tiếp cầm tay chỉ việc cho các hộ xung quanh. Định hướng thứ ba là quản trị truyền thông gắn liền

với sức chứa của cộng đồng. Việc tận dụng truyền thông đại chúng mang lại lợi ích to lớn nhưng địa phương cần có chiến lược kiểm soát sức chứa. Cộng đồng cần kiên định với định vị du lịch nguyên bản, chất lượng cao, ưu tiên đón phân khúc khách hàng trân trọng văn hóa bản địa, qua đó duy trì môi trường sống bình yên cho xóm làng.

Tài liệu tham khảo

- Association of Southeast Asian Nations (ASEAN). (2016). *Tiêu chuẩn du lịch cộng đồng ASEAN*. Ban Thư ký ASEAN.
- Bùi, T. H., & Nguyễn, V. A. (2021). Vai trò của vốn xã hội trong phát triển sinh kế bền vững tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số. *Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam*, 15(3), 45-56.
- Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam (2024). *Bản Liễn (Lào Cai) - điểm đến ấn tượng*. <https://vietnamtourism.gov.vn/>.
- Hoàng Thu (2026). *Khi nông dân làm du lịch*. <https://baolaocai.vn/khi-nong-dan-lam-du-lich-post893962.html>, ngày 19/02/2026.
- Hương Huyền (2025). *Gia đình Haha - Những ngày trời bao la sắp lên sóng VTV3*. <https://vtv.vn/truyen-hinh/gia-dinh-haha-nhung-ngay-troi-bao-la-sap-len-song-vtv3-20250607060309113.htm>, ngày 07/6/2025.
- Kiểu Lê, Hoàng Thu (2025). *Người Tày Bản Liễn giữ nghề truyền thống*. <https://baolaocai.vn/nguoi-tay-ban-lien-giu-nghe-truyen-thong-post396349.html>, ngày 21/01/2025.
- Lê Hiếu, Xuân Cường (2026). *Tưng bừng lễ hội xuống đồng Bản Liễn năm 2026*. <https://baolaocai.vn/tung-bung-le-hoi-xuong-dong-ban-lien-nam-2026-post894774.html>, ngày 02/3/2026.
- Putnam, R. D. (2000). *Bowling alone: The collapse and revival of American community*. Simon & Schuster.
- Quỹ Quốc tế Bảo vệ Thiên nhiên (WWF). (2001). *Guidelines for community-based ecotourism development*. WWF International.
- Thư Vũ (2025). *Bản Liễn bắt "trend" trải nghiệm đúng chất "Gia đình Haha" để phát triển du lịch*. <https://vov.vn/du-lich/tu-van/ban-lien-bat-trend-trai-nghiem-dung-chat-gia-dinh-haha-de-phat-trien-du-lich-post1220908.vov>, ngày 07/8/2025.
- Tổng cục Du lịch Việt Nam (2020). *Sổ tay hướng dẫn phát triển du lịch cộng đồng tại Việt Nam*. NXB Lao động - Xã hội.
- Tráng Xuân Cường (2020). *Đánh thức tiềm năng du lịch Bản Liễn*. <https://baolaocai.vn/danh-thuc-tiem-nang-du-lich-ban-lien-post679277.html>, ngày 28/9/2020.

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ...

Tiếp theo trang 399

3. Kết luận

Cơ sở vật chất trên địa bàn Thành phố chưa đủ đáp ứng cho hoạt động thể thao quần chúng; Công tác cán bộ còn hạn chế như nhận thức chưa đầy đủ của cán bộ quản lý, số lượng cán bộ quản lý cấp cao còn ít, thiếu huấn luyện viên; Số người tập TDTT thường xuyên đạt 31.1%; Số gia đình tập luyện TDTT thường xuyên đạt 17.1%. Thể dục thể thao quần chúng của thành phố Hải Phòng phát triển mạnh nhưng chưa đều, chất lượng chưa cao, đặc biệt ở các thôn, làng, xã, trung tâm xã còn thiếu các phương tiện tập luyện và cán bộ hướng dẫn. Công tác GDTC trong nhà trường và các hoạt động tập luyện thể thao ngoại khóa của học sinh, sinh viên còn yếu. Xã hội hóa TDTT ở khu vực các xã biển đảo còn gặp nhiều khó khăn. Vì vậy, cần phải có những giải pháp nhằm nâng cao chất lượng phong trào thể thao trong quần chúng nhân dân cũng như trong lực lượng học sinh, sinh viên trên địa bàn thành phố Hải Phòng, góp phần nâng cao phong trào TDTT quần chúng của thành phố trong giai đoạn hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Chính trị (2005). *Nghị quyết số 46-NQ/TW, ngày 23/02/2005 về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới*.
- Bộ Tài chính - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2011). *Thông tư liên tịch số 200/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL, ngày 30/12/2011 quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với giải thi đấu thể thao*.
- Du Kế Anh (2000). *Quản lý công tác thể dục thể thao nông dân*. NXB Thể dục thể thao.
- Dương Nghiệp Chí, Lương Kim Chung (2001). *Xã hội học thể dục thể thao*. NXB Thể dục thể thao.
- Dương Nghiệp Chí, Lương Kim Chung, Lê Tấn Đạt (2008). *Thể dục thể thao giải trí* (Giáo trình dành cho sinh viên cao đẳng, đại học thể dục thể thao). NXB Thể dục thể thao.
- Nguyễn Đức Văn (2001). *Phương pháp thống kê trong thể dục thể thao*. NXB Thể dục thể thao.